

VỀ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU NGHI LỄ CHUYỂN ĐỔI CỦA ARNOLD VAN GENNEP

TRẦN HẠNH MINH PHƯƠNG *lược thuật*

TÓM TẮT

Bài viết lược thuật về lý thuyết nghiên cứu nghi lễ chuyển đổi của nhà nhân học người Bỉ Arnold van Gennep trong công trình “Những nghi lễ chuyển đổi” (Les rites de passage), xuất bản năm 1909. Theo tác giả này, nghi lễ chuyển đổi là những nghi lễ đánh dấu sự chuyển đổi của cá nhân trong suốt vòng đời, từ tình trạng này sang tình trạng khác, từ vai trò, địa vị này sang vai trò, địa vị khác, hợp nhất những kinh nghiệm của con người và kinh nghiệm văn hóa với vòng đời: ra đời, sinh con, trưởng thành, kết hôn và chết đi. Đây là một hướng tiếp cận về nghi lễ đã có ở phương Tây từ đầu thế kỷ XX, nhưng chưa được nghiên cứu có hệ thống ở Việt Nam. Mục đích bài nhằm giới thiệu đến độc giả một phương pháp nghiên cứu về nghi lễ vòng đời người.

Nghi lễ chuyển đổi được nhà nhân học người Bỉ Arnold Van Gennep (1873-1975) phân tích có hệ thống trong tác phẩm bằng tiếng Pháp *Les rites de passage*, xuất bản năm 1909⁽¹⁾ Arnold Van Gennep cho rằng “những thay đổi trạng thái (của con người) làm khuấy động cuộc sống cá nhân và xã

hội, và để giảm thiểu các tác hại của những thay đổi đó mà một số nghi lễ chuyển đổi ra đời” (Arnold Van Gennep, 1960, tr. 13). Hầu hết những nghi lễ chuyển đổi được chia thành ba giai đoạn chính: *phân ly* (trước ngưỡng), *chuyển tiếp* (trong ngưỡng) và *hội nhập* (sau ngưỡng). Giai đoạn phân ly bao gồm những hành vi báo hiệu sự tách rời của một cá nhân hay một nhóm người khỏi vị trí cố định trước đó trong cấu trúc xã hội hoặc các điều kiện văn hóa (một trạng thái); trong giai đoạn giữa giai đoạn ngoài lề, đối tượng thụ lễ (người được chuyển tiếp) ở trạng thái rất mơ hồ, không có những thuộc tính của trạng thái đã qua mà cũng chưa có những thuộc tính của trạng thái sắp đến; ở giai đoạn cuối người thụ lễ hoàn thành nghi thức, tái hòa nhập với một tâm thế mới (Arnold Van Gennep, 1960, tr. VII-VIII). Trong công trình này, Arnold van Gennep đề cập đến nghi lễ chuyển đổi của sự chuyển đổi lãnh thổ (territorial passage), những cá nhân gia nhập nhóm, thụ thai và sinh con (pregnancy and childbirth), sự chào đời và tuổi niên thiếu, thành đinh (initiation rites), đính hôn và kết hôn, lễ tang, lễ động thổ và khánh thành, cắt tóc lần đầu, mọc cái răng đầu tiên, bước đi đầu tiên, lần kinh nguyệt đầu tiên, những nghi lễ gắn với sự thay đổi của tháng, mùa,

Trần Hạnh Minh Phương. Thạc sĩ. Trường Đại học Thủ Dầu Một.

năm, lễ tạ ơn, nghi thức giao mùa, nghi lễ liên quan đến chu kỳ mặt trăng. Van Gennep không quan tâm đến chi tiết các nghi thức mà chỉ phân tích ý nghĩa chủ đạo và những tình huống tương đối, trình tự nghi lễ, chỉ ra các nghi thức phân ly, bên lề và sum họp, sự tồn tại của các mép lề, lý do các lớp nghi lễ.

1. SỰ CHUYỂN ĐỔI LÃNH THỔ (TERRITORIAL PASSAGE)

Là vượt qua đường biên giới lãnh thổ, đường ranh giới trừu tượng của chính trị, luật pháp và kinh tế, hay ma thuật-tôn giáo. Bất kỳ người nào, từ vị trí này vượt qua vị trí khác đều cảm thấy thể chất và tinh thần ở trạng thái đặc biệt trong thời gian dài: trạng thái lưỡng phân (nửa vờ) giữa hai thái cực và nghi lễ chuyển đổi giúp cá nhân vượt qua tình trạng lưỡng phân đó (Arnold Van Gennep, 1960, tr. 18). Arnold van Gennep mô tả nghi lễ chuyển đổi lãnh thổ của vua Sparta khi tham gia chiến tranh như một nghi thức cầu mong sự đồng thuận của thần Zeus để bước vào lãnh thổ của đối phương. Nghi lễ chuyển đổi lãnh thổ không chỉ có liên quan quốc gia, khu vực mà còn là làng, thị trấn, một phần của thị trấn, một ngôi đền, một ngôi nhà. Địa điểm diễn ra nghi lễ gắn liền với cửa khẩu, cánh cửa là ranh giới giữa thế giới bên trong và điều bên ngoài đối với đời sống thường nhật, giữa thế tục và linh thiêng trong một ngôi đền. Vì vậy, vượt qua ngưỡng cửa là bản thân người đó bước vào thế giới mới. Nghi lễ chuyển đổi lãnh thổ còn liên quan đến các nghi lễ vượt qua núi, sông.

2. CÁ NHÂN VÀ NHÓM

Cá nhân muốn trở thành thành viên của một nhóm hay cộng đồng phải trải qua

nghi lễ để gia nhập nhóm. Một người yếu đuối, bị lột trần, bị phân biệt đối xử, thậm chí bị giết nếu không trải qua nghi lễ gia nhập nhóm vẫn là người bên lề của nhóm, và người đó trở nên linh thiêng, bất khả xâm phạm, được trời ban cho sức mạnh ma thuật khi trải qua nghi lễ gia nhập nhóm. Trước khi gia nhập nhóm, cá nhân phải dừng lại, chờ đợi, vượt qua thời kỳ chuyển tiếp. Những nghi thức gia nhập nhóm có thể bao gồm sự tiếp xúc thật sự (cái vỗ tay, cái bắt tay), trao đổi quà là thức ăn hay những vật có giá trị, ăn, uống cùng nhau, cùng hút một tẩu thuốc, hiến tế những con vật, rắc nước hay máu, cùng xúc dầu, buộc dính vào nhau, đè lên nhau, ngồi lên nhau. Hình thức tiếp xúc gián tiếp thông qua việc cùng sờ vào vật thiêng, tượng thần địa phương, hay "linh vật" (fetish post). Tất cả những hành động trên chứng tỏ nghi lễ để cá nhân gia nhập nhóm là nghi lễ hợp nhất (a rite of incorporation), hay còn được gọi là bí tích kết hợp (sacrament of communion) (Arnold Van Gennep, 1960, tr. 29).

3. VIỆC THỤ THAI VÀ SINH CON

Những nghi lễ của việc thụ thai và sinh con được xem là một. Nghi lễ được bắt đầu bằng việc người phụ nữ mang thai cách ly với xã hội, với gia đình, thậm chí với cả giới tính của bà ta và trải qua nhiều nghi lễ: giao cảm (sympathetic) lây nhiễm (contagious), trực tiếp (direct), gián tiếp (indirect), động lực (dynamistic), vật linh (animistic). Mục đích của những nghi thức là tạo sự thuận lợi cho việc sinh nở, bảo vệ người mẹ và đứa bé (đôi khi là cả người bố, họ hàng thân thuộc, cả gia đình, dòng họ) khỏi những điều không lành. Nghi lễ thụ thai và sinh con của người Todas ở Ấn

Độ diễn ra theo trình tự như sau: Khi người phụ nữ có thai, cô ấy sẽ bị cấm đi vào làng hay những nơi linh thiêng. Vào tháng thứ năm, có một nghi lễ gọi là "rời làng" (village we leave), trong thời gian này người phụ nữ phải sống trong túp lều đặc biệt. Theo nghi lễ, người phụ nữ phải cách ly cuộc sống thường nhật. Sau đó người phụ nữ trở về nhà sống đến tháng thứ bảy. Trong tháng thứ bảy, "có một nghi lễ cung và tên" (the ceremony of the bow and arrow) để xác định người cha xã hội cho đứa trẻ sắp ra đời. Người phụ nữ sẽ sinh con tại nhà, không có nghi lễ đặc biệt nào. Hai hay ba ngày sau đó, người phụ nữ và con của mình đến sống ở một túp lều đặc biệt, những nghi lễ được thực hiện cho sự rời khỏi ngôi nhà cũng như túp lều, hay sự trở về ngôi nhà. Trong thời gian sống tại lều, người phụ nữ, chồng cô ấy và đứa trẻ bị coi là ô uế nên được thực hiện những nghi thức chống lại những linh hồn xấu gọi là *keirt*. Cuối cùng gia đình họ trở lại cuộc sống thường nhật với việc uống sữa thiêng.

Từ việc mô tả chi tiết trên, chúng ta thấy xu hướng cách ly người phụ nữ có thai và sinh con khỏi thế giới xung quanh, để giữ cô ấy cách ly trong giai đoạn chuyển tiếp và cho phép cô ấy tái hội nhập trở lại cuộc sống thường nhật sau khi vượt qua các giai đoạn chuyển tiếp. Như vậy tiến trình nghi lễ là: phân ly, chuyển tiếp với việc di chuyển dần dần đến những chướng ngại vật, và tái hội nhập lại cuộc sống thường nhật.

Sinh con lần đầu tiên là điều quan trọng mang tính xã hội đáng được quan tâm, điều này tạo nên nhiều cảm xúc khác nhau đối với nhiều người. Chẳng hạn, như người Bontok Igorot ở Philippines, và một vài nơi khác, người con gái không thể kết

hôn cho đến khi cô ấy sinh được một đứa con và vì vậy việc có con chứng minh rằng cô ấy có thể sinh nở (capable of reproduction) có khả năng thực hiện được chức năng làm mẹ. Có những dân tộc, xem hôn nhân là chưa thành nếu như chưa sinh con. Lễ thụ thai và sinh con được xem là những hành vi cuối cùng của lễ cưới. Trở thành người mẹ, đạo đức và vị trí xã hội của người phụ nữ được nâng lên, thay vì chỉ đơn thuần là một người phụ nữ bình thường, sau khi có đứa con đầu lòng, người phụ nữ ấy trở thành một mệnh phụ, thay vì là nô lệ hay vợ lẽ (nàng hầu, thiếp), trở thành người tự do và là người vợ hợp pháp. Đối với những dân tộc cho phép ly hôn dễ dàng thì việc ra đời của đứa trẻ cũng chính là nguyên nhân khiến cho cặp vợ chồng ấy khó ly hôn. Vì vậy, nghi lễ thụ thai và sinh con được xem là rất quan trọng đối với cá nhân và xã hội. Nghi lễ được xem là bảo vệ và giúp người mẹ để sinh.

4. SỰ CHÀO ĐỜI VÀ THỜI THƠ ẤU

Có những dân tộc xem người phụ nữ mang thai là ô uế, và sự ô uế đó sẽ truyền cho đứa trẻ, và vì vậy người mẹ phải chấp hành những điều cấm kỵ, là giai đoạn cuối cùng để người phụ nữ trở về xã hội sau khi sinh. Rất nhiều nghi lễ bảo vệ chống lại thế lực xấu, sự nguy hiểm, bệnh tật và tất cả những gì gọi là linh hồn xấu, đều tốt cho mẹ và con, đặc biệt là đứa trẻ, những nghi lễ này không chỉ có ý nghĩa thực hành mà còn là ý nghĩa cho linh hồn.

Những nghi thức cho đứa trẻ mới sinh lại liên quan đến trình tự của những nghi lễ phân ly, chuyển tiếp và tái hội nhập. Đứa trẻ mới sinh không chỉ được xem là "linh thiêng" (sacred) mà còn được tin rằng chỉ

có thể được sinh khi được những người xung quanh quý mến.

Đứa bé, đầu tiên phải cách ly với môi trường trước đó của nó, đơn giản là cách ly với mẹ của đứa bé. Đứa trẻ được để cho người phụ nữ khác chăm sóc trong vài ngày. Người ta thực hiện vài nghi lễ mang tính truyền cảm để chuẩn bị cho đứa trẻ được vững chãi hơn, mạnh dạn hơn, khéo léo hơn, trong đó có những nghi lễ như tắm lần đầu tiên, cạo rùa đứa trẻ vì mục đích vệ sinh. Đối với những dân tộc tin có sự luân hồi, sự đầu thai, mục đích của những nghi lễ là phân ly đứa trẻ mới sinh với thế giới người chết và cho nó hòa nhập vào thế giới người sống. Những nghi thức này liên quan đến việc cắt bỏ cái gì đó trên cơ thể đứa bé: như cắt tóc, cạo đầu.

Những nghi lễ chính của thời thơ ấu liên quan đến sự việc cắt cuống rốn, tắm lần đầu, đặt tên, cắt tóc lần đầu, bữa ăn lần đầu với gia đình, mọc cái răng đầu tiên, bước đi đầu tiên, cuộc đi chơi đầu tiên, mặc trang phục đầu tiên theo giới tính.

5. NGHI LỄ THÀNH ĐÌNH

Sự dậy thì về mặt sinh lý nhất thiết khác với “sự dậy thì về mặt xã hội” và có rất ít điểm trùng nhau. Nghi lễ thành đình (initiation rites) đánh dấu sự trưởng thành của cá nhân về mặt xã hội, cá nhân chính thức trở thành thành viên của xã hội. Nghi lễ thành đình là nghi thức cắt bao quy đầu của bé trai được thực hiện ở những độ tuổi khác nhau: điều này cho thấy đây là hành vi mang tính xã hội chứ không phải mang ý nghĩa sinh lý. “Mục đích trên hết của nghi thức này là để đánh dấu sự thay đổi trọng yếu trong đời sống của đứa bé trai. Quá khứ trở nên xa rời với nó, khoảng cách đó

rất lớn, nó không thể quay lại. Mỗi dây liên hệ giữa nó với mẹ bị cắt đứt, và từ nay về sau nó gắn bó với đàn ông. Tất cả những môn thể thao, trò chơi thời thơ ấu bị lãng quên cùng mỗi ràng buộc gia đình giữa nó với mẹ, chị gái. Bây giờ nó là người đàn ông, gánh vác những trách nhiệm của cộng đồng” (Arnold Van Gennep, 1960, tr. 75). Có những bộ lạc, người chịu nghi lễ này được xem như đã chết và được sống lại, được dạy sống sao cho khác với thời niên thiếu. Đó là những thành tố của nghi lễ chuyển đổi.

Nghi lễ gia nhập totem giáo của người Úc, lễ gia nhập Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Phật giáo và những tổ chức huyền bí thời cổ đại, nghi lễ trở thành pháp sư, nghi lễ lên ngôi của Pharaoh đều giống nhau cả về chi tiết lẫn trật tự nghi lễ. Hành vi đầu tiên của người thụ lễ là rời xa môi trường trước đó, sống cách ly với thế giới thường nhật kèm theo tất cả những hình thức cấm kỵ, thực hiện ăn kiêng, chịu đựng những nghi thức “tẩy uế” tất cả những gì thuộc về trạng thái trước đó mới được nhập vào thế giới linh thiêng. Sau nghi thức này, người thụ lễ đã được thánh hóa thành người mới. Tùy theo văn hóa và tín ngưỡng của từng địa phương mà chi tiết các nghi lễ thực hiện cho các cá nhân có khác nhau, nhưng tất cả đều gồm ba giai đoạn: nghi lễ *phân ly* khỏi tình trạng cũ, nghi lễ *chuyển tiếp* ở giai đoạn ngưỡng giữa tình trạng cũ và tình trạng mới, nghi lễ *sum họp* đưa cá nhân gia nhập vào tình trạng mới.

6. LỄ ĐÍNH HÔN VÀ KẾT HÔN

Hôn nhân cấu thành điều quan trọng nhất trong sự chuyển tiếp từ tình trạng xã hội này sang tình trạng xã hội khác, bởi vì ít

nhất một cặp hôn phối có liên quan đến sự thay đổi gia đình, thị tộc, làng và bộ tộc, và đôi khi một cặp vợ chồng mới đến định cư trong ngôi nhà mới. Sự thay đổi chỗ ở được đánh dấu trong những nghi thức phân ly, luôn được đề cập đầu tiên trong nghi lễ vượt qua lãnh địa. Đây là giai đoạn thường được gọi là “sự đính hôn” hay “hứa hôn” (betrothal). Ở hầu hết các dân tộc, giai đoạn khá đặc biệt và độc lập với nghi thức hôn lễ. Hôn lễ bao gồm các nghi lễ phân ly, chuyển tiếp và sum họp.

Lễ cưới (marriage) bao gồm nghi lễ mang tính bảo vệ và sinh sản, nó có thể là nghi thức giao cảm (sympathetic) hay lây truyền (contagious), vật linh (animistic) hay động lực (dynamistic), trực tiếp hay gián tiếp, và tích cực (positive) hay tiêu cực (negative) (điều cấm kỵ). Van Gennep chủ yếu mô tả những nghi lễ phân ly và sum họp trong trật tự của chúng. Không kể những trường hợp “hôn nhân theo thông luật” (common law marriage) (Arnold Van Gennep, 1960, tr. 117), luôn có nhiều nhóm người quan tâm đến cô dâu và chú rể: người mai mối, phụ dâu, gia đình nhà trai, nhà gái, họ hàng thân thuộc, những nhóm thị tộc totem (totem clan), nhóm những người cùng chung tín ngưỡng, nhóm tuổi, cộng đồng cùng chung đức tin, hội nghề nghiệp, nhóm địa phương (làng, xã, khu phố...). Hôn nhân luôn mang khía cạnh kinh tế (economic aspect), hành vi mang bản chất kinh tế (chẳng hạn như thách cưới (establishing amount), tiền cưới (payment). Để kết hôn, một cá nhân đã vượt qua nhóm của những đứa trẻ hoặc tuổi thiếu niên để bước vào nhóm trưởng thành, chuyển từ thị tộc này sang thị tộc khác, từ gia đình này sang gia đình khác, từ làng

này sang làng khác. Cá nhân sẽ phân ly khỏi những nhóm này và gia nhập vào những nhóm khác.

Những nghi lễ biểu trưng sự phân ly trong lễ cưới của người Bashkirs, người Ả Rập ở Sinai, người Khond ở miền nam Ấn Độ, người Mabuiag ở đảo Torres Strait bao là thay quần áo, đổ bình sữa, bỏ ba quả dâu, cắt, làm vỡ hoặc vứt bỏ những gì có liên quan đến thời thơ ấu và cuộc sống độc thân: cắt tóc, cạo râu, nhắm mắt lại, tháo nữ trang, dâng cho thần linh đồ chơi như búp bê, nữ trang, quần áo của người đó, cởi trần từ thắt lưng trở lên, thay đổi thói quen ăn uống; phân phát đồ chơi, nữ trang hoặc quà “lưu niệm” cho những người bạn thời niên thiếu, đánh hoặc làm nhục bầu bạn của người đó thời niên thiếu, hoặc chính cá nhân thụ lễ bị đánh, bị làm nhục bởi những người bạn; rửa chân hoặc được rửa chân, tắm hay tự xúc dầu thánh, phá hủy hoặc mang lòng lò sưởi đi, nắm hai tay, khoanh tay trước ngực, trùm khăn, buộc người vào rơm, kiệu, gánh; bị đẩy và bị ngược đãi, nôn mửa, đổi tên và đổi nhân thân... Ngoài ra riêng cô dâu còn trải qua nghi lễ phồn thực (fertility rite). Người thụ lễ phải vượt qua chướng ngại vật, nghĩa là chuyển đổi từ thế giới này sang thế giới khác, từ gia đình này sang gia đình khác. Sẽ là nghi lễ chuyển đổi nếu người thụ lễ vượt qua được chướng ngại vật như một sợi dây giăng ngang cửa, phá bỏ được hàng rào, tháo gỡ cánh cửa.

Các nghi thức mang ý nghĩa “sum họp” (corporation) là một bữa ăn chung sau khi nhà trai mang tiền cưới đến nhà gái và cô dâu đã mang của hồi môn về nhà chồng. Một bữa ăn chung không liên quan đến điều kiện kinh tế, hay sự tham gia tập thể

trong một nghi thức mang tính tôn giáo. Trong nghi lễ sum họp, có những hành vi mang ý nghĩa cá nhân và những hành vi mang ý nghĩa kết hợp người vợ và người chồng: đưa hoặc trao đổi thắt lưng, vòng tay, nhẫn hoặc quần áo, buộc người này với người kia bằng sợi dây, gọi nên lòng yêu thương nhau bằng những hành động (thắt chặt tay nhau, đan tay vào nhau, hôn, ôm, cụng đầu nhau, ngò lên nhau, nằm lên nhau), người này sử dụng vài thứ của người kia (sữa, trà, thuốc lá, dụng cụ làm việc); người này tặng người kia đồ ăn hoặc thức uống, ăn cùng nhau; gói một mẫu vải hay khăn trùm đầu; ngò cùng một chỗ, uống máu của nhau, cùng ăn một loại thức ăn hay ăn chung một đĩa, uống chung một thức uống, xoa bóp nhau, cùng xúc dầu thánh, tắm cho nhau, và đi vào nhà mới...

Giai đoạn *chuyển tiếp* có thể có hoặc không có ý nghĩa giới tính. Trong thời gian đã đính hôn, đôi nam nữ vẫn chưa được phép quan hệ tính giao, con cái được sinh ra trong thời gian này sẽ không được xã hội thừa nhận, cho dù chắc chắn là đôi nam nữ sẽ cưới nhau.

Về cơ bản, lễ cưới ở những dân tộc khác nhau có những nét tương đồng nhau, chỉ khác nhau ở chi tiết, và điều này dễ hiểu nếu chúng ta biết rằng mục đích của nghi lễ là sự hòa nhập của người "lạ" (stranger) vào cộng đồng. Sau lễ cưới, người chồng đến sống ở gia đình nhà vợ hoặc người vợ đến sống ở gia đình nhà chồng, trong mỗi trường hợp đôi hôn phối này phải tham gia vào những hành vi nghi lễ linh thiêng để trở thành thành viên trong gia đình.

7. TANG LỄ

Tang lễ được xem là nghi lễ thiên về sự phân ly. Tang lễ bao gồm những nghi thức

đưa người chết gia nhập vào thế giới người chết. Tang lễ thường khác nhau tùy theo các dân tộc. Mặt khác tang lễ còn tùy vào giới tính, tuổi, địa vị xã hội của người chết. Tang lễ càng phức tạp hơn nếu như người đó có những quan niệm khác nhau, hay trái ngược nhau về thế giới sau khi chết tất cả những điều này được phản ánh trong nghi lễ. Lễ tang bao gồm những nghi thức mang tính tiêu cực (điều cấm kỵ) với mục đích cách ly người chết khỏi xã hội người sống, thân thể người chết được đặt trong trạng thái linh thiêng và tinh khiết. Trong suốt thời gian người sống để tang, người chết ở trong tình trạng giữa thế giới người sống và người chết. Người chết sẽ trở về thế giới bên kia sớm hay không tùy thuộc mức độ quyền luyện của người thân, người thân càng ít thể hiện sự quyền luyện, người chết càng sớm siêu thoát. Việc để tang được dựa trên cấp bậc dòng họ, thân tộc (họ cha, họ mẹ, hai họ). Những đàn ông góa vợ, đàn bà góa chồng có thể thuộc về thế giới đặc biệt trong thời gian dài, và họ chỉ thoát khỏi tình trạng này thông qua nghi thức thích hợp. Phụ nữ chết khi đang mang thai thì linh hồn họ sẽ khó siêu thoát. Trong thời gian chịu tang, phải tránh mặc những trang phục sắc sỡ. Những điều cấm đoán trong thời gian để tang được xem là nghi lễ tái hòa nhập vào cuộc sống xã hội, tương tự như nghi lễ tái hòa nhập đối với người nhập đạo. Cái chết của người có địa vị đứng đầu xã hội sẽ làm ngưng trệ các hoạt động xã hội. Nếu người đó là lãnh đạo quốc gia (tù trưởng, thủ tướng, chủ tịch...) qua đời thì sẽ có quốc tang (public mourning), có những ngày nghỉ. Ví dụ: Ở Trung Hoa, hoàng đế băng hà sẽ gây nên sự xáo trộn xã hội, đất nước sẽ có xu hướng hành chính, kinh tế,

chính trị mới. Trong gia đình có người thân qua đời, những hoạt động thường nhật cũng bị ngưng trệ.

Cuộc hành trình vào thế giới bên kia và sự gia nhập vào thế giới đó bao gồm nhiều nghi lễ chuyển đổi mà chi tiết của những nghi lễ này tùy từng nơi khác nhau, phản ánh bản sắc văn hóa của từng dân tộc như Ai Cập, Hy Lạp, Úc... hay tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, Hồi Giáo...

8. NHỮNG LOẠI NGHI LỄ CHUYỂN ĐỔI KHÁC

Có thể chứng minh rằng nghi lễ chuyển đổi là nghi lễ phân ly, chuyển tiếp hoặc sum họp. Bất kỳ một nghi lễ nào cũng có thể giải thích bằng nhiều cách, tùy thuộc nghi lễ đó diễn ra trong hệ thống hoàn chỉnh hay một nghi thức riêng lẻ, nghi lễ đó chỉ được thực hành một lần hay nhiều lần.

Nghi lễ liên quan đến tóc bao gồm: cắt tóc, hiến dâng, thánh hóa tóc. Cắt tóc là chia cắt bản thân người đó với thế giới trước đó. Hiến dâng tóc là buộc cá nhân đó vào thế giới linh thiêng đặt biệt là với thần linh và tổ tiên đã khuất.

Nghi lễ cắt tóc hoặc cạo đầu cũng mang ý nghĩa khác: Đầu bé trai bị cạo còn là dấu chỉ bé trai bước vào giai đoạn khác trong cuộc đời; đầu cô gái bị cạo trong thời điểm kết hôn cho thấy sự thay đổi từ độ tuổi này sang độ tuổi khác. Những người góa phụ cắt tóc để cắt đứt sợi dây ràng buộc bởi hôn nhân. Nghi lễ trở nên hiệu nghiệm bằng việc chôn tóc xuống mồ; đôi khi cùng ý nghĩa này người ta còn cắt tóc người chết.

Những nghi lễ cho điều đầu tiên (rites of the first time):

Lễ động thổ, khánh thành: Nghi lễ chuyển đổi không xuất hiện với đầy đủ hình thức

của nó. Đó là những nghi lễ được thực hiện khi bắt đầu xây dựng [founding], hay khánh thành (inauguration) một công trình: như ngôi nhà, đền thờ, ngôi làng hay thị trấn.

Mang thai và sinh con lần đầu tiên đều là những dịp tiến hành nghi lễ quan trọng mặc dù giữa lần sinh đầu và lần sinh sau không có sự khác nhau nhiều xét về mặt chăm sóc y tế và vệ sinh. Việc sinh đứa con đầu lòng, đặc biệt là con trai thì quan trọng hơn những lần sinh sau do quan niệm vai trò trưởng nam.

Cắt tóc lần đầu, mọc cái răng đầu tiên, lần đầu ăn thức ăn rắn, bước đi đầu tiên, lần kinh nguyệt đầu tiên - những nghi thức cho những dịp này phong phú về hình thức, nhưng cơ bản thì giống nhau. Lời hứa hôn đầu tiên quan trọng hơn những lần sau, và chúng ta có thể hình dung được một cô gái sẽ đau khổ, hổ thẹn như thế nào khi bị phản bội lời đính ước đầu tiên. Hôn nhân đầu tiên là quan trọng nhất. Việc sinh đứa con đầu tiên thường là điểm kết thúc của hôn lễ.

Những nghi lễ gắn liền với sự thay đổi của năm, mùa hoặc tháng cũng được xem là nghi lễ chuyển đổi.

Lễ "tha thứ" (forgiving): Ngày cuối cùng của một năm, tất cả các thành viên trong gia đình đoàn tụ trong một bữa tiệc, mọi người cùng chuẩn bị lễ vật để cúng tổ tiên trong tinh thân ái. Tất cả (điều không hay) để lại ở năm cũ và mọi người quý trước bàn thờ tổ tiên, người lớn trước người nhỏ sau.

Nghi lễ chuyển đổi còn được tìm thấy trong những nghi thức giao mùa khi mặt trời ở xa đường xích đạo về phía bắc hay phía nam vào mùa hè hoặc mùa đông. Thông

thường sự tổng tiễn mùa đông là nghi lễ phân ly, mang mùa hè vào làng là nghi lễ sum họp, trong trường hợp khác mùa đông chết đi, mùa hè và mùa xuân tái sinh. Sự chuyển đổi trong mùa màng có thể tìm thấy sự đâm chồi nảy lộc sau giai đoạn chuyển tiếp của thời kỳ ngủ đông.

Mục đích của tất cả những nghi lễ trên làm động thực vật sinh sôi nảy nở, đất đai màu mỡ, cây trái đơm hoa kết trái.

Ngoài ra còn có một số nghi lễ khác như nghi lễ được tổ chức để chuẩn bị cho một cuộc đi săn hay đánh bắt cá, nghi thức mở rộng totem, và một vài phương diện nghi lễ cho chiến tranh, hôn lễ.

KẾT LUẬN

Công trình này của Arnold van Gennep là phác họa bước đầu về những nghi lễ mà những cá nhân trải qua vào những dịp quan trọng trong cuộc đời. Mỗi cá nhân đều có những vai trò khác nhau trong xã hội, để chuyển từ vai trò này sang vai trò khác, cá nhân đó buộc phải trải nghi lễ chuyển đổi vốn rất đa dạng về hình thức nhưng giống nhau về chức năng. Ở giai đoạn chuyển tiếp, cá nhân đó thường phải bị cô lập, hoàn toàn tách biệt với cả nhóm, và đôi khi là thành viên của một nhóm đặc biệt.

Mục đích của quyển sách này không nhằm mô tả chi tiết từng nghi lễ cụ thể mà nhắm đến những ý nghĩa thiết yếu và trật tự của chúng: lý do tồn tại các nghi thức *tiền ngưỡng*, *trong ngưỡng* và *hậu ngưỡng*. Vị trí của những nghi lễ khác nhau tùy theo đó là sự kiện sinh ra hay chết đi, thành đính hay kết hôn, khác nhau về chi tiết nhưng sự sắp xếp bên dưới luôn giống nhau.

Điều trọng tâm thứ hai mà Arnold van

Gennep quan tâm là sự tồn tại vốn có của những giai đoạn ngưỡng. Khái niệm ngưỡng cho phép chúng ta hiểu được sự phức tạp và trật tự của những nghi lễ.

Vấn đề thứ ba là sự chuyển đổi từ vị trí xã hội này sang vị trí xã hội khác được xác định bằng sự chuyển đổi lãnh thổ (territorial passage), chẳng hạn như đi vào một làng hay một ngôi nhà, di chuyển từ phòng này sang phòng khác, hoặc băng qua đường hay qua khu phố.

Cuộc sống là một chuỗi nối tiếp của những sự kiện đặc biệt và tạm thời như mang thai, bệnh tật, những hiểm nguy, những chuyến đi dài... Mục đích giống nhau dẫn đến hình thức hoạt động giống nhau. Đối với tập thể cũng như cá nhân, bản thân cuộc sống có nghĩa là để phân ly và hội tụ, để thay đổi hình thức và điều kiện, để chết và được tái sinh. Nó là để hành động và dừng lại, để chờ đợi và nghỉ ngơi, và sau đó bắt đầu hành động lại nhưng theo cách khác. Luôn có những ngưỡng mới phải vượt qua: ngưỡng của mùa hè và mùa đông, của một mùa hay một năm, của một tháng hay một đêm, ngưỡng của sự chào đời, thời niên thiếu, tuổi trưởng thành và tuổi về già, ngưỡng của cái chết và ngưỡng của cuộc sống vị lai. □

CHÚ THÍCH

(1) Tác giả bài viết này tổng thuật bản dịch tiếng Anh "*The Rite of Passage*". 1960. Nxb Routledge & Kegan Paul.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arnold van Gennep. 1960. *The Rite of Passage*. London: Nxb. Routledge&Kegan Paul.